

Số: 345/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 28 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án dân sự thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đinh Ngọc Đ, sinh năm: 1982;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987;

Đều địa chỉ: Thôn Bất Còn Chèm, xã Kh, huyện B, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Đăng T; Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B; Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội.

2. Ông Đinh Công Tr, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Thôn Bất Còn Chèm, xã Kh, huyện B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

Căn cứ vào điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đinh N Đ và chị Nguyễn Thị N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Đinh Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị N.

+ Con chung: Có 02 con chung là Đinh Thị Thanh T, sinh ngày 24/5/2006 và cháu Đinh Thị Mai H, sinh ngày 07/4/2009. Hiện 02 con đang ở với chị N; Giao cho chị N người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Thanh T và Đinh Thị Mai H cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ được quyền qua lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về phần trợ cấp nuôi con chung: Anh Đ tự nguyện trợ cấp cho 02 con chung là cháu Đinh Thị Thanh T và Đinh Thị Mai H cho chị N mỗi tháng là 2.000.000,đ (Hai triệu đồng); kể từ tháng 8/2020 đến khi cháu Đinh Thị Thanh T và Đinh Thị Mai H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức chung: Anh Đinh Ngọc Đ được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung, công sức chung có trị giá là 123.776.200,đ (Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm bảy sáu nghìn, hai trăm đồng Nhưng phải thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị N $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản chung, công sức chung là 61.888.100,đ (Sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn một trăm đồng).

Về Công nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, thành phố Hà Nội số tiền gốc là 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng), vay ngày 11/6/2018, lãi suất 8,25%/ năm. Hạn trả nợ 11/6/2021; Anh Đinh Ngọc Đ đã trả lãi hết tháng 8/2020, chưa trả tiền gốc.

Nay giao cho anh Đinh Ngọc Đ phải trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, thành phố Hà Nội số tiền gốc là 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng), vay ngày 11/6/2018, lãi suất 8,25%/ năm. Hạn trả nợ 11/6/2021, người đứng tên vay là Đinh Ngọc Đ. Nhưng chị Nguyễn Thị N phải trả cho anh Đinh Ngọc Đ $\frac{1}{2}$ số tiền gốc nợ chung là 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đổi trừ phần tài sản, công sức chung, công nợ chung anh Đinh N Đ phải trả cho chị Nguyễn Thị N tổng số tiền là: 36.888.100,đ (Ba mươi sáu triệu , tám trăm tám mươi tám nghìn, một trăm đồng) .

Kể từ ngày ban hành quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có

đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tài sản riêng: Không có.

Về phần chi phí tố tụng: Thẩm định, định giá tài sản ; Anh Đinh Ngọc Đ đã chi phí tạm ứng số tiền đã quyết toán là 5.000.000,đ (*Năm triệu đồng*). Nay chị Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho anh Đ $\frac{1}{2}$ là 2.250.000,đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về phần án phí : Anh Đ tự nguyện chịu phần án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000,đ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000,đ; Anh Đ đã nộp tạm ứng án phí là 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 00140, ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì; Nay được khấu trừ vào tiền án phí anh Đ không phải nộp nữa; Anh Đinh Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị N mỗi người phải nộp 922.202.000,đ (*Chín trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm linh hai đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- UBND Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lã Hùng Cường